

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: 47/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 14 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Giao bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương nguồn trung ương
bổ sung có mục tiêu thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Tài chính: số 1032/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; số 1078/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững;

Xét Tờ trình số 135/TTr-UBND ngày 07/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết giao bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2022 để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể như sau:

1. Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương: 559.016 triệu đồng.
2. Chi ngân sách địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: 559.016 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 415.492 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp: 143.524 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục I, II đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VIII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UVBTVQH, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Kiểm toán Nhà nước;
- TTTU, TT HỖND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HDND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HỖND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Quang



Phụ lục I

**THU BỔ SÚNG CỐ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số: 47/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Vốn Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3	4	5
	Tổng số	559.016	415.492	143.524
A	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	216.314	150.630	65.684
	Trong đó			
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			4.582
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết			2.373
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị			24.094
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc			3.545
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực			9.691
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			2.772
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em			1.257
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em			3.423
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn			12.421
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình			1.526

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Vốn Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
B	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	174.262	123.622	50.640
	Trong đó:			
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo			5.485
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo			13.016
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng			5.631
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững			19.160
5	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin			2.654
6	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình			4.694
C	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	168.440	141.240	27.200



Phụ lục II

CHI THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 47/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Vốn Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
1	2	3	4	5
	Tổng số	559.016	415.492	143.524
A	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	216.314	150.630	65.684
	Trong đó			
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			4.582
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết			2.373
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị			24.094
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc			3.545
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực			9.691
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			2.772
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em			1.257
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em			3.423
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn			12.421
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình			1.526

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Vốn Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
B	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	174.262	123.622	50.640
	Trong đó:			
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo			5.485
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo			13.016
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng			5.631
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững			19.160
5	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin			2.654
6	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình			4.694
C	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	168.440	141.240	27.200